| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ B**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 144/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2024
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mộng Hà.

*- Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí

2. Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí

*- Thư ký phiên tòa:* Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:* Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXX-ST ngày 03/4/2024; Quyết định hoãn phiên Toà số 158/2024/QĐST-DS ngày 03/3/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Bà Đỗ Kim N, sinh năm 1995.**

Địa chỉ: 3, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn: Ông Phan Võ Ngọc S, sinh năm: 1994.**

Địa chỉ: 1, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N có đơn xin vắng mặt, ông S vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Đỗ Kim N trình bày**: Bà và ông Phan Võ Ngọc S kết hôn với nhau vào năm 2023, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông S sa vào con đường nghiện ngập, không kiểm soát được hành vi, thường xuyên đe doạ bà. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng

nhưng không có kết quả. Xét thấy hôn nhân không còn cứu vãn được nữa nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có

**Tại bản tự khai ngày 19/01/2024 bị đơn ông Phan Võ Ngọc S trình bày:** Ông xây dựng gia đình với bà Đỗ Kim N vào năm 2023 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do lỗi của ông. Tuy nhiên ông vẫn còn thương bà N nên không đồng ý ly hôn. Ông sẽ cố gắng làm tất cả, sẽ đi cai nghiện ma tuý để mong bà N tha thứ và cho ông cơ hội làm lại từ đầu

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Kim N.

Về con chung + tài sản chung + nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: bà N phải nộp theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bà Đỗ Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phan Võ Ngọc S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông S là phù hợp.

**[2] Về thẩm quyền xét xử:** ông Phan Võ Ngọc S có cư trú tại địa chỉ tổ A, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2016 Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**[3] Về quan hệ hôn nhân**: Bà Đỗ Kim N và ông Phan Võ Ngọc S tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2023, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên xác định quan hệ hôn nhân của bà N, ông S là hợp pháp. Nay bà N xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà N**: Bà N xin ly hôn với ông S với lý do ông S sa vào con đường nghiện ngập, không kiểm soát được hành vi, thường xuyên đe doạ bà. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Xét thấy hôn nhân không còn cứu vãn được nữa nên bà xin ly hôn.

Về phía ông S cho rằng vẫn còn thương bà N nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên quá trình làm việc hoà giải Toà án đã triệu tập ông S rất nhiều lần nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời cũng xét thấy quan hệ hôn nhân phải được tạo lập trên cơ sở tình cảm từ hai phía vợ và chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn phần nhiều là do lỗi của ông S nhưng ông S không nhận ra cho đến khi bà N nộp đơn lên Toà thì ông mới có động thái níu kéo, hàn gắn, vấn đề này bản thân ông S cũng thừa nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N xin ly hôn với ông S là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N. Cho bà N được ly hôn với ông S là phù hợp.

**[5] Về con chung**: không có nên không đặt ra giải quyết

**[6] Về tài sản chung và nợ chung**: Bà N ông S khai không có nên không đặt ra giải quyết

**[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm:** Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**[8]** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, khoản 1 Điều 238; 235, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2016;

- Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Kim N. Bà Đỗ Kim N được ly hôn với ông Phan Võ Ngọc S.

2. Về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0002155 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mộng Hà**

**Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đồng Nai (2);
-VKSND thành phố B (2);
-THA Dân sự TP B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Cơ quan cấp giấy kết hôn (1);
- Đương sự (2);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.